



## GIẤY CHỨNG NHẬN PHÂN TÍCH

### CERTIFICATE OF ANALYSIS

**Tên sản phẩm: Vet Cryosave OTS**  
Product Name

**Số lô/ Lot Number: 920010626**

**Mã sản phẩm/ Product Code: 920**

**Ngày sản xuất/ Manufacture Date: 10/06/2026**

**Hạn sử dụng/ Shelflife: 10/06/2027**

| THỬ NGHIỆM/<br>PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM<br>TEST/METHOD                                                                               | TIÊU CHUẨN/SPECIFICATIONS              |                                     |                  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------|------------------|
|                                                                                                                                    | Ngưỡng tối thiểu/<br>Minimum threshold | Ngưỡng tối đa/<br>Maximum threshold | Kết quả/ Results |
| Vô trùng/Sterility                                                                                                                 | Âm tính/ Negative                      |                                     | Đạt/ Passed      |
| Mycoplasma (*)                                                                                                                     | Âm tính/ Negative                      |                                     | Đạt/ Passed      |
| Áp suất thẩm thấu (mOsm/kg)/ Osmolality                                                                                            | 1200                                   | 1400                                | 1210             |
| Nội độc tố (EU/ml)/ Endotoxin (*)                                                                                                  | $\leq 0,25$                            |                                     | 0,04             |
| pH (tại 20-25°C)/ pH (at 20-25°C)                                                                                                  | 7,4                                    | 8,0                                 | 7,99             |
| Tỉ lệ tế bào gốc trung mô sống sau đông lạnh/ rã đông/<br>Mesenchymal stem cell viability ratio after<br>cryopreservation/ thawing | $\geq 90\%$                            |                                     | Đạt/ Passed      |
| Tỉ lệ tế bào gốc trung mô bám sau 24 giờ rã đông/<br>Post-thaw cell adherence at 24 hours                                          | $\geq 70\%$                            |                                     | Đạt/ Passed      |
| Màu sắc/ Color                                                                                                                     | Ánh hồng- Trong suốt<br>Clear, pinkish |                                     | Đạt/ Passed      |
| Thể tích (ml)/ Volume                                                                                                              | 99                                     | 101                                 | Đạt/ Passed      |

Phương pháp thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo ISO/IEC 17025:2017 được đánh dấu (\*)  
Test methods compliant with ISO/IEC 17025:2017 standards are marked with \*

**Phòng kiểm tra chất lượng/**  
Quality Control Department

**CN/ BSc. Phan Thi Diem My**

**TL. Viện trưởng Viện Tế bào gốc/By order of the Director of Stem Cell Institute**  
**Trưởng phòng Trung tâm Đổi mới sáng tạo và sản xuất thực nghiệm**

Center for Innovation and Pilot Production Manager



**PGS. TS/ (Assoc. Prof. Dr.) Vu Bích Ngọc**

Tòa nhà B2-3, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, KP6, P. Linh Xuân, TP.HCM, Việt Nam  
B2-3 Buiding, University of Science, Linh Xuan Ward, HCM City  
Điện thoại/Telephone: (+84-28) 36 36 12 06, Email: contact@sci.edu.vn